

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/KDTM-ST
Ngày 19-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ N Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N;** Địa chỉ: đường L, Phường T, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lưu Hoàng L** – Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N – Chi nhánh B; Địa chỉ: đường L, khóm D, Phường Q, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Lưu Thu H;** Sinh năm: 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường K, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Lư Minh S;** (Vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị N;** (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường K, khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019 của nguyên đơn Ngân hàng N cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/6/2016, bà Lưu Thu H với Ngân hàng N Chi nhánh Sóc Trăng – Chi nhánh Ba Xuyên Sóc Trăng ký Hợp đồng tín dụng số 7611LAV201600422/HĐTD ngày 29/6/2016. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà H vay số tiền 1.400.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm sú; thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng; ngày đến hạn cuối cùng là ngày 29/6/2017.

Ngân hàng giải ngân cho bà H nhận tiền theo 02 giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 với số tiền 1.380.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 7%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 7%/năm; lãi suất quá hạn 120% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Lưu Thu H đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất diện tích 117,0 m², tại thửa số 04, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 160; tờ bản đồ số 08) và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích xây dựng là 99,10 m²; kết cấu tường 10, khung sàn BTCT; số tầng 03; tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 580103 (Hồ sơ gốc số 657) do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lư Phước T và bà Lưu Thu H vào ngày 17/9/2004 đã thừa kế cho bà Lưu Thu H ngày 29/6/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 ngày 29/6/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Lưu Thu H mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi 20.125.000 đồng. Tính đến ngày 19/8/2019, bà Lưu Thu H còn nợ số tiền vốn là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 396.521.611 đồng, cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 với số tiền gốc là 1.380.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.816.667 đồng, lãi quá hạn là 314.352.500 đồng;
- Giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 với số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 707.778 đồng, lãi quá hạn là 3.644.667 đồng;

Tổng cộng tiền vốn và lãi của 02 giấy nhận nợ tính đến 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lưu Thu H trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng (trong đó vốn gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là

78.524.445 đồng, lãi quá hạn là 317.997.167 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày trả hết nợ.

Trong trường hợp bà Lưu Thu H không thanh toán nợ đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 117,0 m², tại thửa số 04, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 160; tờ bản đồ số 08) và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích xây dựng là 99,10 m²; kết cấu tường 10, khung sàn BTCT; số tầng 03; tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 580103 (Hồ sơ gốc số 657) do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lư Phước T và bà Lưu Thu H vào ngày 17/9/2004 đã thừa kế cho bà Lưu Thu H ngày 29/6/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 ngày 29/6/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2019, bị đơn bà Lưu Thu H trình bày:

Bà H thừa nhận có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh B số tiền 1.400.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm sú; thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng; ngày đến hạn cuối cùng là ngày 29/6/2017 theo Hợp đồng tín dụng số 7611LAV201600422/HĐTD ngày 29/6/2016.

Ngân hàng giải ngân cho bà H nhận tiền theo 02 giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 với số tiền 1.380.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 7%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 7%/năm; lãi suất quá hạn 120% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà Lưu Thu H dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất diện tích 117,0 m², tại thửa số 04, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 160; tờ bản đồ số 08) và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích xây dựng là 99,10 m²; kết cấu tường 10, khung sàn BTCT; số tầng 03; tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 580103 (Hồ sơ gốc số 657) do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lư Phước T và bà Lưu Thu H vào ngày 17/9/2004 đã thừa kế cho bà Lưu Thu H ngày 29/6/2016 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 ngày 29/6/2016.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà H không trả được nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 15/5/2019 bà H thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền vốn vay là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi, cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 với số tiền 1.380.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.816.667 đồng, lãi quá hạn là 275.712.500 đồng;
- Giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 với số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 707.778 đồng, lãi quá hạn là 3.196.667 đồng;

Tổng cộng tiền vốn và lãi của 02 giấy nhận nợ tính đến ngày 15/5/2019 là 1.757.433.611 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay kinh tế bà H rất khó khăn nên bà H yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi quá hạn cho bà để bà có khả năng trả nợ.

Theo bà H, Căn nhà gắn liền trên thửa đất bà thế chấp cho Ngân hàng N do bà H xây dựng vào năm 2004. Hiện nay, căn nhà này do gia đình người con của bà H gồm anh Lư Minh S, chị Nguyễn Thị N; cháu Lư Phúc K, sinh ngày 11/10/2004 và cháu Lư Hạnh A sinh ngày 08/11/2008 đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, bà H có ý kiến như sau:

Bà H thừa nhận tính đến ngày 15/5/2019 bà còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay theo 02 giấy nhận nợ là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 357.433.611 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.757.433.611 đồng. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế bà H rất khó khăn nên bà H yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi quá hạn cho bà để bà có khả năng trả nợ.

Đối với số tiền vốn và lãi trong hạn còn lại bà H yêu cầu đến ngày 15/6/2019 bà sẽ thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp bà Lưu Thu H không thanh toán nợ theo cam kết trên thì bà H đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Minh S trình bày:

Ông S là con ruột của bà Lưu Thu H và là chồng của bà Nguyễn Thị N. Hiện nay căn nhà gắn liền trên thửa đất mà bà H thế chấp cho Ngân hàng N do bà H, vợ chồng ông S và bà N cùng 02 người con là cháu Lư Phúc K, sinh ngày 11/10/2004 và cháu Lư Hạnh A sinh ngày 08/11/2008 đang trực tiếp quản lý sử dụng. Qua yêu cầu của Ngân hàng thì ông S đề nghị cho bà H được trả số tiền nợ của Ngân hàng trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 26/6/2019 và giảm tiền lãi cho bà H. Trường hợp bà H không trả được nợ thì ông S đồng ý giao nhà để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, buộc bà Lưu Thu H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng (trong đó vốn gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 78.524.445 đồng, lãi quá hạn là 317.997.167 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ vay.

Trường hợp bà Lưu Thu H không còn khả năng trả nợ, thì ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 ngày 29/6/2016 để ngân hàng thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lưu Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Minh S và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Theo đơn khởi kiện Ngân hàng N yêu cầu bà Lưu Thu H trả số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng, theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết thì mục đích vay để nuôi tôm sú. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lưu Thu H thừa nhận vào ngày 29/6/2016 giữa bà Lưu Thu H và Ngân hàng N có ký Hợp đồng tín dụng để vay số tiền 1.400.000.000 đồng, theo hai giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 vay số tiền 1.380.000.000 đồng và giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 vay số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định trên thực tế giữa Ngân hàng N với bà Lưu Thu H có giao kết hợp đồng tín dụng để vay số tiền là 1.400.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi vay theo đúng cam kết, tính đến nay bà H mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi vay là 20.125.000 đồng, chưa trả tiền vốn vay. Tại Tòa Ngân hàng N yêu cầu bà Lưu Thu H trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay 1.400.000.000 đồng, bị đơn bà H cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay nói trên. Xét thấy bà H đã nhận tiền vay của Ngân hàng

số tiền là 1.400.000.000 đồng, theo hợp đồng thì thời hạn vay tối đa là 12 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là ngày 29/6/2017 nhưng đến nay bà H chưa trả số tiền vốn vay cho Ngân hàng. Do bà H không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi vay theo thỏa thuận nên đã vi phạm Điều 4 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng N yêu cầu bà H trả số tiền vốn vay 1.400.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Tại Tòa Ngân hàng N yêu cầu tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo hai giấy nhận nợ, cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/6/2016 với số tiền lãi trong hạn là 77.816.667 đồng, lãi quá hạn là 314.352.500 đồng;

- Giấy nhận nợ lập ngày 30/12/2016 với số tiền lãi trong hạn là 707.778 đồng, lãi quá hạn là 3.644.667 đồng;

Số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền vốn và tiền lãi vay bà Lưu Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tính đến ngày 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng (trong đó vốn gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 78.524.445 đồng, lãi quá hạn là 317.997.167 đồng).

Đối với Hợp đồng thế chấp bất động sản số 204 ngày 29/6/2016 mà bà Lưu Thu H đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 117,0 m², tại thửa số 04, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 160; tờ bản đồ số 08) và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích xây dựng là 99,10 m²; kết cấu tường 10, khung sàn BTCT; số tầng 03; tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 580103 (Hồ sơ gốc số 657) do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lư Phước T và bà Lưu Thu H vào ngày 17/9/2004 đã thừa kế cho bà Lưu Thu H ngày 29/6/2016 thì thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật và việc thế chấp có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu, nếu bà H không có khả năng thanh toán nợ vay thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để Ngân hàng thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Lưu Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 950.000 đồng, bà Lưu Thu H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng khoản 7 Điều 323 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Lưu Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 19/8/2019 là 1.796.521.611 đồng (trong đó vốn gốc là 1.400.000.000 đồng, lãi trong hạn là 78.524.445 đồng, lãi quá hạn là 317.997.167 đồng).

[2]. Kể từ ngày 20/8/2019 bà Lưu Thu H còn phải trả lãi phát sinh cho Ngân hàng N theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết trên số tiền vốn vay chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn vay cho Ngân hàng N.

[3]. Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lưu Thu H không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 117,0 m², tại thửa số 04, tờ bản đồ 03 (nay là thửa đất số 160; tờ bản đồ số 08) và căn nhà gắn liền trên đất có diện tích xây dựng là 99,10 m²; kết cấu tường 10, khung sàn BTCT; số tầng 03; tọa lạc tại khóm C, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 580103 (Hồ sơ gốc số 657) do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lư Phước T và bà Lưu Thu H vào ngày 17/9/2004 đã thừa kế cho bà Lưu Thu H ngày 29/6/2016, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 ngày 29/6/2016 để Ngân hàng thu hồi nợ.

[4]. Án phí sơ thẩm: Bà Lưu Thu H phải chịu án phí số tiền 65.895.648 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 32.013.377 đồng theo biên lai thu số 0007389 ngày 04/4/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 950.000 đồng, bà Lưu Thu H phải chịu. Sau khi bà H thì giao trả cho Ngân hàng N vì ngân hàng đã nộp tạm ứng xong.

[6]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên